

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2018

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Quách Tử Diệc

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa – có ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên .

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 529/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 171/15, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị **Trương Thị Mỹ D**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2017 cũng như tại các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, hai bên có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2007. Sau khi kết hôn chị D về chung sống bên gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị D và gia đình anh T, chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, sau đó anh T có đến rước chị D về nhà ở được một tháng mấy thì chị D lại bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, chị D đòi ra ở riêng nhưng anh T không đồng ý vì vậy chị D thường xuyên về chửi anh T dẫn đến cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn

được, anh T và chị D đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh Lê Thanh T nhận thấy không còn tình cảm với chị Trương Thị Mỹ D nên yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T, sinh ngày 30/11/2012, khi ly hôn Anh T yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 26/02/2018 bị đơn chị Trương Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng, hai bên có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2007. Về mâu thuẫn vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi do chị D đòi ra ở riêng nhưng anh T không đồng ý, chị D về nhà cha mẹ ruột sống sau đó anh T có rước chị D về, nhưng bên gia đình chồng đuổi xô chị D không sống được nên sau đó chị D bỏ đi tiếp, chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị Trương Thị Mỹ D không đồng ý ly hôn với anh Lê Thanh T vì chị D còn thương chồng thương con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T, sinh ngày 30/11/2012, hiện tại do anh T đang nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị D yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của cháu Lê Thị Diễm M: Cháu Diễm M có bản khai ngày 26/02/2018 con là con của cha Lê Thanh T và mẹ Trương Thị Mỹ D, trường hợp cha mẹ ly hôn con muốn ở với cha.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn anh Lê Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Mỹ D, vì anh cho rằng giữa anh và chị D thường xảy ra mâu thuẫn, chị D yêu cầu ra ở riêng nhưng anh không đồng ý vì gia đình chỉ có một mình anh, nên chị D mới về nhà cha mẹ ruột sống, khi chị D về nhà anh thì chị D cứ xảy ra xung đột với gia đình anh, không thể hàn gắn được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D. Về nuôi con chung: Anh T yêu cầu tiếp tục nuôi hai cháu Lê Thị Diễm M, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T, sinh ngày 30/11/2012, vì từ trước đến nay hai con do Anh T chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trương Thị Mỹ D không đồng ý ly hôn với anh Lê Thanh T vì chị còn thương anh T, chị D cho rằng khi chị về nhà anh T sống thường xảy ra mâu thuẫn với gia đình anh T nên chị yêu cầu anh T ra ở riêng anh T không đồng ý mới về nhà cha mẹ ruột sống, khi chị đến thăm con gia đình anh T không cho nên xảy ra xung đột

giữa gia đình anh T và chị, nay chị không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng con cái sống chung một nhà. Về nuôi con chung: chị Dyêu cầu nuôi hai cháu Lê Thị Diễm M, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T, sinh ngày 30/11/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

-Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, nuôi con là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm phán tiến hành lấy lời khai của bị đơn và bản khai của cháu Lê Thị Diễm M thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98 Bộ luật tố tụng dân sự, trình tự thụ lý thực hiện theo quy định tại Điều 195, 197 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Anh Lê Thanh T và chị Trương Thị Mỹ D có kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 vợ anh yêu cầu ra ở riêng nhưng anh không đồng ý chị D nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và yêu cầu anh chuyển sang nhà chị sống anh T không đồng ý và từ đó chị D không tôn trọng cha mẹ anh dẫn đến anh làm đơn xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hàn gắn được nên việc anh T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Lê Thị Diễm M sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T sinh ngày 30/11/2012 hiện nay hai cháu do anh T nuôi dưỡng anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của anh T là có căn cứ vì cháu Diễm M có nguyện vọng sống chung với cha là phù hợp với nguyện vọng của cháu M, đối với cháu Khánh T hiện nay cháu đang sống ổn định với anh T để không xáo trộn cuộc sống của cháu T nên giao cháu Khánh T và cháu Diễm M cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí : Anh T phải chịu án phí theo luật định.

Trên đây ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng:

Anh Lê Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ D, nên đây là quan hệ hôn nhân gia đình tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T và chị Trương Thị Mỹ D tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, cả hai có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn anh T khai vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên cự cãi nhau, chị D còn chửi bới gia đình bên chồng, chị D khai do gia đình bên chồng đối xử chị không tốt thường đánh chị và không cho chị lại gần con, đến năm 2014 chị D về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Xét anh T chị D đã mâu thuẫn trầm trọng hiện nay cả hai đã ly thân không còn sống chung một nhà, hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị D là phù hợp.

[2.2.] Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con Lê Thị Diễm M, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T, sinh ngày 30/11/2012 hiện nay hai cháu đang sống bên gia đình anh T, cháu M có bản khai ý kiến cha mẹ ly hôn con muốn ở với cha là Lê Thanh T, chị D cũng có nguyện vọng nuôi con, xét cả hai cháu đang sống ổn định bên anh T, bản thân chị D không có công việc làm ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử giao hai cháu Lê Thị Diễm M và cháu Lê Khánh T cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3.] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Chị Trương Thị Mỹ D có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản chị D thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận như đã nhận định ở trên.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Trương Thị Mỹ D.

2/ Về nuôi con chung: Giao hai cháu Lê Thị Diễm M, sinh ngày 14/02/2008 và Lê Khánh T, sinh ngày 30/11/2012 cho anh Lê Thanh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Trương Thị Mỹ D có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản chị D thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Thanh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6/ Về án phí: Buộc anh Lê Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001209 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, Anh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/ Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp